

Bản án số: 506/2020/HC-PT

Ngày: 10 - 9 - 2020

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Thu - Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 04 và 10 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số:
237/2020/TLPT-HC ngày 12 tháng 3 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1563/2019/HC-ST ngày 07 tháng 11
năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 714/2020/QĐ-PT
ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn V (có mặt)

Địa chỉ: 27/30 Đường x8, khu phố x2, phường H, quận T1, Thành phố Hồ Chí
Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Võ Thị Mỹ D
(vắng mặt)

Địa chỉ: A11/4A đường 385, khu phố X2, phường T, Quận X9, Thành phố Hồ
Chí Minh.

- Người khởi kiện:

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

Địa chỉ: 86 L, phường B, Quận X1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ủy ban nhân dân quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

Địa chỉ: 43 N, phường B, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Bùi Thành L (vắng mặt)

Địa chỉ: 20 Đường số x8, phường H, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh. (số cũ: 78/2B, khu phố X2, Đường số X6, phường H, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh)

2/ Ông Bùi Thành K (có mặt)

Địa chỉ: 20 Đường số X8, phường H, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh. (số cũ: 78/2B, khu phố S2, Đường số S6, phường H, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh)

3/ Ông Bùi Văn B (vắng mặt)

Địa chỉ: 19, khu phố x2, Đường số x6, phường H, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Văn B:

- Bà Bùi Thị Anh T1 (có mặt)

Địa chỉ: 19, khu phố x2, Đường số x6, phường H, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn T2 (có mặt)

Địa chỉ: 170D N, Phường X12, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Hoàng C1 (có mặt)

Địa chỉ: 58A Đường X6, phường H, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bà Võ Thị Mỹ D (đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn V có người đại diện theo ủy quyền là bà Võ Thị Mỹ D trình bày:*

Theo các đơn khởi kiện nộp ngày 06/01/2017, ngày 10/3/2017 cùng các đơn sửa chữa, bổ sung đơn khởi kiện, đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ, ông V và bà D đại diện ông V cùng trình bày:

Phần đất tranh chấp 5.613m² thuộc thửa 159, 160, tờ bản đồ số 4, xã H, huyện T1 (nay là phường H, quận T1) có nguồn gốc của ông Đoàn Hữu T2 và bà Đoàn Thị M1 đứng bộ trước ngày 30/4/1975 nhưng không sử dụng.

Năm 1979, ông Bùi Thành Q, Bùi Thành K đến ở phần đất trên và chính thức sử dụng ổn định 3000m²/5.613m² từ năm 1982 đến nay nhưng không kê khai theo Chỉ thị 299/TTg. Do đó, năm 1983 Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã H đứng tên đăng ký.

Đến năm 1992, ông Bùi Văn B tranh chấp với gia đình ông Q.

Vụ việc được UBND quận T1, Sở Địa chính giải quyết. Đến ngày 07/9/1999 UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3971/QĐ-UB-TD đối với tranh chấp giữa ông K (con ông Q) với ông B theo hướng giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất giữa ông K với ông B.

Căn cứ Quyết định số 3971/QĐ-UB-TD ngày 07/9/1999, UBND quận T1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 914/QSDĐ ngày 29/01/2003 cho ông Bùi Thành K sử dụng 2.161m² đất nông nghiệp. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 10/11/2003 ông K đã hoàn tất thủ tục sang nhượng cho ông Bùi Thành L 1.040m². Đến ngày 30/12/2004, ông L đã sang nhượng tiếp cho ông Nguyễn Văn V 210m² và ông V được UBND quận T1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 755927 (số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: H00778) ngày 28/01/2005 (viết tắt là Giấy chứng nhận số AB 755927).

Ngày 07/7/2009, Chủ tịch UBND Thành phố ban hành Quyết định số 3303/QĐ-UBND “Về thu hồi, hủy bỏ Quyết định 3971/QĐ-UB-TD ngày 07 tháng 9 năm 1999 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và giải quyết tranh chấp đất giữa ông Bùi Văn B và gia đình ông Bùi Thành K” (viết tắt là Quyết định 3303/QĐ-UBND ngày 07/7/2009), quyết định thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 3971/QĐ-UB-TD ngày 07/9/1999, giao Chủ tịch UBND quận T1 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 914/QSDĐ ngày 29/01/2003 đã cấp cho ông Bùi Thành K, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1018/QSDĐ ngày 10/11/2003 đã cấp cho ông Bùi Thành L, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 778/QSDĐ ngày 28/01/2005 đã cấp cho ông Nguyễn Văn V, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1017/QSDĐ ngày 10/11/2003 đã cấp cho bà Bùi Thị Bích T4, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3239 ngày 26/6/2006 đã cấp cho bà Trần Ngọc Khánh L1.

Căn cứ quyết định trên, UBND quận T1 đã ban hành Quyết định số 5888/QĐ-UBND ngày 06/8/2009 về việc thu hồi và hủy tính pháp lý Quyết định số 2057/QĐ-UB ngày 30/12/2004 và Giấy chứng nhận số AB 755927 ngày 28/01/2005 của UBND quận T1 cấp cho ông Nguyễn Văn V (viết tắt là Quyết định số 5888/QĐ-UBND ngày 06/8/2009).

Ông Nguyễn Văn V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Tuyên hủy Quyết định số 5888/QĐ-UBND ngày 06/8/2009 của UBND quận T1.

-Hủy Quyết định số 3303/QĐ-UBND ngày 07/7/2009 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh và buộc UBND quận T1 thu hồi GCN QSDĐ đã cấp cho ông Bùi Văn B đối với phần diện tích 164.8m² đất ở đô thị và 45.2m² đất ao, đồng thời cấp lại Giấy chứng nhận nêu trên cho ông V. Trong trường hợp không thực hiện yêu cầu trên thì UBND Thành phố Hồ Chí Minh phải bồi thường cho ông V số tiền 3.341.200.000 đồng.”

Lý do:

-Ông V nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông L, việc chuyển nhượng thực hiện theo đúng pháp luật, bản thân ông V cũng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 755927.

-Căn cứ Điều 136 Luật Đất đai 2003, khoản 3 Điều 42 Nghị định 181/2004/NĐ-CP “Về thi hành luật Đất đai” ngày 29/10/2004 thì UBND quận T1 đã thu hồi Giấy chứng nhận của ông V sai thẩm quyền.

-Quyết định số 5888/QĐ-UBND ngày 06/8/2009 được ban hành năm 2009 mà đến ngày 12/12/2016, ông V mới xin trích sao được 01 bản của Quyết định này.

-Căn cứ khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 21 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ “Quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai” (viết tắt Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ) thì chưa có văn bản nào của UBND Thành phố Hồ Chí Minh khẳng định Giấy chứng nhận mà UBND quận T1 cấp cho ông V là trái pháp luật nên không có cơ sở pháp lý để thu hồi Giấy chứng nhận của ông V. Việc thu hồi Giấy chứng nhận chỉ được thực hiện khi có bản án hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực thi hành.

Nay ông V chỉ khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 5888/QĐ-UBND ngày 06/8/2009 của UBND quận T1. Rút các yêu cầu khởi kiện còn lại.

Hiện tại, phần đất của ông V được cấp theo Giấy chứng nhận số AB 755927 vẫn là đất trống.

**Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vắng mặt. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là ông Bùi Nguơn T5 đại diện trình bày:*

Tại Văn bản số 3197/UBND-NCPC ngày 16/7/2018, Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh xác định việc ban hành Quyết định số 3303/QĐ-UBND ngày 07/07/2009 là đúng quy định. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo hướng giữ nguyên Quyết định số 3303/QĐ-UBND ngày 07/07/2009.

Đồng thời, ngày 29/11/2016, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có Bản án số 1177/2016/HC-ST về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp giải quyết khiếu nại đối với quyết định giải quyết tranh chấp đất đai”, theo đó bác yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 3303/QĐ-UBND ngày 07/7/2009 và Quyết định số 296/QĐ-UBND điều chỉnh, sửa đổi một phần Điều 1 Quyết định số 3303/QĐ-UBND ngày 07/7/2009 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh của ông Bùi Thành L và bà Bùi Thị Bích T4, sau đó Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm tại bản án số 307/2017/HC-PT ngày 19/10/2017, giữ y bản án hành chính sơ thẩm số 1177/2016/HC-ST ngày 29/11/2016 nói trên.

**Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận T1 vắng mặt. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là ông Bùi Nguơn T5 đại diện trình bày:*

Tại văn bản số 1889/UBND-TNMT ngày 12/5/2017 của UBND quận T1 cùng các tài liệu, chứng cứ thể hiện.

1. Về nguồn gốc sử dụng đất:

Phần đất tranh chấp 5.613m² thuộc thửa 159, 160, tờ bản đồ số 4, xã H, huyện T1 (nay là phường H, quận T1) có nguồn gốc của ông Đoàn Hữu T2 và bà Đoàn Thị M1 đứng bộ trước ngày 30/4/1975.

Ngày 10/01/1976, ông T2 và bà M1 lập giấy biên nhận nhường quyền khai thác bất động sản vĩnh viễn cho ông Bùi Văn S, diện tích 5.613m² với giá 7.357 đồng.

Ngày 12/01/1976, ông S làm đơn xin thành lập tổ hợp trồng tía và chăn nuôi, tổ hợp có 08 người, trong đó có ông Bùi Công H1 (cha ông S) có xác nhận của ấp Bình Triệu, xã H.

Ngày 12/12/1978, ông S chuyển nhượng toàn bộ phần diện tích 5.613m² cho ông Bùi Văn B thông qua Giấy chuyển quyền khai thác bất động sản vĩnh viễn, có người làm chứng là ông Đỗ Văn S1. Cùng ngày, ông Bùi Công H1 (cha ông S và là bác ruột của ông B) đại diện tổ hợp trồng tía và chăn nuôi viết giấy ủy quyền cho ông B và ông Bùi K1 (cha ông B) có nhiệm vụ và quyền lợi quản lý khai thác diện tích đất 5000m² và cơ sở chăn nuôi.

Năm 1979, ông Bùi Thành Q và vợ là bà Trần Thị T2 (cha mẹ của ông Bùi Thành K) chuyển từ Đồng Tháp về Thành phố Hồ Chí Minh sống. Theo ông B trình bày thì ông có cho ông Q – bà T2 ở căn nhà 15m² trong diện tích 5.613m² nêu trên.

Năm 1983, thực hiện kê khai đất theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ, do không ai kê khai nên Ủy ban nhân dân xã H đăng ký đất mang số thửa 190, 195, 196 với diện tích 4.517m². Đến năm 1992, khi triển khai đăng ký quyền sử dụng đất thì phát sinh tranh chấp giữa ông B và ông Q (cha ông K).

2. Việc giải quyết tranh chấp, khiếu nại của UBND huyện T1, Sở địa chính Thành phố Hồ Chí Minh, UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 20/9/1994, UBND huyện T1 ban hành Quyết định số 132/QĐ-UB-NN về giải quyết tranh chấp đất giữa ông Bùi Văn B và ông Bùi Thành Q.

Ông B không đồng ý với Quyết định số 132/QĐ-UB-NN của UBND huyện T1 nên tiếp tục khiếu nại.

Ngày 12/6/1996, Sở Địa chính Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 379/QĐ-ĐC-TTr giải quyết khiếu nại của ông B với nội dung: Không xem xét giải quyết yêu cầu của ông Q. Xét nhu cầu và quá trình sử dụng đất của ông Q, chấp thuận giao cho ông Q 400m² đất sử dụng. Chấp thuận phần diện tích còn lại giao cho ông B tiếp tục quản lý, sử dụng.

Ngày 17/12/1996, UBND Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 5848/QĐ-UB-NC công nhận việc giải quyết của Sở địa chính tại Quyết định số 379/QĐ-ĐC-TTr là đúng pháp luật. Không đồng ý với kết quả giải quyết tại Quyết định số 5848/QĐ-UB-NC, ông Bùi Thành K (do ông Bùi Thành Q đã chết) tiếp tục khiếu nại.

Ngày 12/5/1997, UBND Thành phố có Quyết định số 2335/QĐ-UB-NC giao UBND huyện T1 xem xét giải quyết buộc ông B có trách nhiệm bồi hoàn tài sản và giá trị cây trồng cho gia đình ông K khi giao phần đất này cho ông B sử dụng.

Không đồng ý với Quyết định số 2335/QĐ-UB-NC, ông K và ông B tiếp tục khiếu nại lên Tổng cục địa chính. Ngày 10/10/1997, Tổng cục địa chính có

Văn bản số 1712/CV-ĐC thống nhất với Quyết định số 5848/QĐ-UB-NC và đề nghị UBND Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương thực hiện Quyết định nêu trên.

Ông K tiếp tục khiếu nại. Trên cơ sở kiến nghị của Thanh tra Nhà nước tại Báo cáo số 1154/BC-TTNN ngày 02/10/1998 và Công văn số 4455/VPCP-VII ngày 04/11/1998 của Văn phòng Chính phủ, ngày 07/9/1999 UBND Thành phố ban hành Quyết định số 3971/QĐ-UB-TD về việc sửa đổi Quyết định số 5848/QĐ-UB-NC, nội dung:

- Hủy bỏ Quyết định số 5848/QĐ-UB-NC ngày 17/02/1996 do ông B giả mạo giấy tờ, cung cấp chứng từ làm sai lệch nội dung giải quyết tranh chấp 3.000m²/5.613m² đất trên cho ông K.

- Giữ nguyên hiện trạng sử dụng cho gia đình ông B và ông K.

- Giao Chủ tịch UBND quận T1 kiểm tra, xử lý việc sử dụng, chuyển nhượng, xây dựng trái phép trên phần đất 5.613m² theo quy định pháp luật.

- Giao Trưởng Công an quận T1 xem xét xử lý hành vi giả mạo giấy tờ của ông B theo quy định.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết tranh chấp số 3971/QĐ-UB-TD ngày 07/9/1999, ông B vẫn tiếp tục khiếu nại và kêu oan đến cơ quan Trung ương, Chính phủ, Ban nội chính Trung ương.

Ngày 29/10/2007, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 6185/VPCP-V-II truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trương Vĩnh T4 như sau: “Việc khiếu nại tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Bùi Văn B và ông Bùi Thành K ở Thành phố Hồ Chí Minh rất phức tạp. Do đó, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân quận T1 có báo cáo và biện pháp giải quyết hợp lý nhằm giải quyết dứt điểm khiếu nại của ông Bùi Văn B.”

Ngày 27/12/2007, UBND Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản số 9114/UBND-PCNC kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo giải quyết theo quan điểm của UBND Thành phố Hồ Chí Minh tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 5848/QĐ-UB-NC ngày 17/12/1996, Quyết định số 2335/QĐ-UB-NC ngày 12/5/1997, thu hồi giấy chứng nhận đã cấp cho ông Bùi Thành K và những người đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông K; mọi tranh chấp giữa các bên về hợp đồng sang nhượng hướng dẫn các hộ khởi kiện tại Tòa án theo thẩm quyền. Hướng giải quyết cụ thể là giao cho ông K sử dụng 600m² và phần diện tích còn lại giao cho ông B.

Ngày 14/01/2008, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 275/VPCP-V.II đồng ý với kiến nghị của UBND Thành phố Hồ Chí Minh tại Văn bản số 9114/UBND-PCNC, đồng thời giao UBND Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức thực hiện dứt điểm tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông B và ông K, báo cáo kết quả lên Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 07/7/2009, UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3303/QĐ-UBND, nội dung:

- Thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 3971/QĐ-UB-TD ngày 07/9/1999 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa đổi Quyết định số 5848/QĐ-UB-NC ngày 17/02/1996.

- Giao Chủ tịch UBND quận T1 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 914/QSDĐ ngày 29/01/2003 đã cấp cho ông Bùi Thành K, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1018/QSDĐ ngày 10/11/2003 đã cấp cho ông Bùi Thành L, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 778/QSDĐ ngày 28/01/2005 đã cấp cho ông Nguyễn Văn V, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1017/QSDĐ ngày 10/11/2003 đã cấp cho bà Bùi Thị Bích T4, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3239/QSDĐ ngày 26/6/2006 đã cấp cho bà Trần Ngọc Khánh L1.

Mọi tranh chấp giữa các bên về hợp đồng sang nhượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Công nhận cho ông Bùi Thành K được sử dụng 600m² đất gồm có 410,7m² do ông K đang sử dụng chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trên đất có căn nhà số 78/2A), 61,3m² đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 914/QSDĐ ngày 29/11/2003 cho ông Bùi Thành K và 128m² đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3239/QSDĐ ngày 26/6/2006 cho bà Trần Ngọc Khánh L1, vị trí đất theo Bản đồ do Trung tâm Đo đạc bản đồ Thành phố lập ngày 28/8/2008.

- Công nhận cho ông Bùi Văn B sử dụng phần diện tích đất còn lại sau khi trừ phần diện tích 600m² đã công nhận cho ông Bùi Thành K theo Bản đồ do Trung tâm Đo đạc bản đồ Thành phố lập ngày 28/8/2008.

3. Việc thực hiện Quyết định số 3303/QĐ-UBND ngày 07/7/2009 của Chủ tịch UBND Thành phố.

Thực hiện nội dung tại Quyết định số 3303/QĐ-UBND ngày 07/7/2009, UBND quận T1 đã ban hành các Quyết định sau:

- Quyết định số 5887/QĐ-UBND ngày 06/8/2009 về việc thu hồi hủy tính pháp lý Quyết định số 2023/QĐ-UB ngày 30/12/2004 và Giấy chứng nhận số AB 755930 ngày 28/01/2005 của UBND quận T1 cấp cho ông Bùi Thành L.

- Quyết định số 5888/QĐ-UBND ngày 06/8/2009 về việc thu hồi và hủy tính pháp lý Quyết định số 2057/QĐ-UB ngày 30/12/2004 và Giấy chứng nhận ở số AB 755927 ngày 28/01/2005 của UBND quận T1 cấp cho ông Nguyễn Văn V.

- Quyết định số 5889/QĐ-UBND ngày 06/8/2009 về việc thu hồi và hủy tính pháp lý Quyết định số 106/QĐ-UB ngày 29/01/2003 và Giấy chứng nhận QSDĐ nông nghiệp số V 903158 do UBND quận T1 cấp ngày 29/01/2003 cho hộ ông Bùi Thành K.

- Quyết định số 5890/QĐ-UBND ngày 06/8/2009 về việc thu hồi và hủy tính pháp lý Giấy chứng nhận số AE 766123 do UBND quận T1 cấp ngày 26/6/2006 cho bà Trần Ngọc Khánh L1.

-Quyết định số 5891/QĐ-UBND ngày 06/8/2009 về việc thu hồi và hủy tính pháp lý Quyết định số 1070/QĐ-UB ngày 10/11/2003 và Giấy chứng nhận số V 882205 do UBND quận T1 cấp ngày 10/11/2003 cho bà Bùi Thị Bích T4.

-Quyết định số 5892/QĐ-UBND ngày 06/8/2009 về việc thu hồi và hủy tính pháp lý Quyết định số 1069/QĐ-UB ngày 10/11/2003 và Giấy chứng nhận số V 882204 do UBND quận T1 cấp ngày 10/11/2003 cho ông Bùi Thành L.

Ngày 26/8/2009 của UBND quận T1 ban hành Quyết định số 6636/QĐ-UBND về việc điều chỉnh nội dung tại Điều 1 Quyết định số 5891/QĐ-UBND ngày 06/8/2009 nói trên. Đồng thời, cùng ngày ban hành Quyết định số 6635/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy tính pháp lý Quyết định số 2024/QĐ-UB ngày 30/12/2004 và Giấy chứng nhận số AB 755929 ngày 28/01/2005 do UBND quận T1 cấp cho bà Bùi Thị Bích T4.

Ngày 31/10/2012, UBND quận T1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 742869 cho ông, bà Bùi Văn B – Võ Thị P1, công nhận diện tích 2052,6m² thuộc thửa số 517, tờ bản đồ số 101 (tài liệu đo năm 2005), mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác.

Ngày 17/01/2013, UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 296/QĐ-UBND điều chỉnh, sửa đổi một phần Điều 1 Quyết định số 3303/QĐ-UBND ngày 07/7/2009 của Chủ tịch UBND Thành phố, liên quan việc giải quyết tranh chấp đất giữa ông B và ông K.

Ngày 05/4/2013, UBND quận T1 ban hành Quyết định số 2012/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy Quyết định số 5887/QĐ-UB ngày 06/8/2003 của UBND quận T1 và Quyết định số 2013/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy Quyết định số 6635/QĐ-UB ngày 26/8/2009.

Cùng ngày 05/4/2013, UBND quận T1 ban hành Quyết định số 2014/QĐ-UBND thu hồi và hủy Quyết định số 2024/QĐ-UB ngày 30/12/2004 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 755929 ngày 28/01/2005 do UBND quận T1 cấp cho bà Bùi Thị Bích T4; Quyết định số 2015/QĐ-UBND về việc thu hồi hủy Quyết định số 2023/QĐ-UB ngày 30/12/2004 và GCNQSDĐ ở số AB 755930 ngày 28/01/2005 của UBND quận T1 cấp cho ông Bùi Thành L.

4. Đối với Quyết định số 5888/QĐ-UBND ngày 06/8/2009 của UBND quận T1.

Thực hiện nội dung tại Quyết định số 3303/QĐ-UBND ngày 07/7/2009, UBND quận T1 đã ban hành Quyết định số 5888/QĐ-UBND ngày 06/8/2009 đúng theo quy định pháp luật.

Từ những cơ sở trên, UBND quận T1 đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết theo quy định.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Văn B có người đại diện theo ủy quyền là bà Bùi Thị Anh T1 trình bày:*

Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông V. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V.

Hiện nay, ông Bùi Văn B và bà Võ Thị P1 đã UBND quận T1 cấp Giấy

chứng nhận số BL 742869, diện tích 2052,6m² thuộc thửa số 517, tờ bản đồ số 101 (tài liệu đo năm 2005) - phần đất tranh chấp và đã nhận đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Thành K trình bày:

Quyết định số 3303/QĐ-UBND ngày 07/07/2009 ban hành không đúng pháp luật cần phải xem xét lại, Quyết định số 5888/QĐ-UBND ngày 06/8/2009 của UBND quận T1 ban hành căn cứ Quyết định số 3303/QĐ-UBND ngày 07/07/2009 là trái pháp luật, đề nghị Tòa án xem xét, bảo vệ quyền lợi cho ông V, ông L và ông K.

Hơn nữa, theo quy định tại Khoản 3 Điều 42 Nghị định 181/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ “Về thi hành luật Đất đai” và Điều 21 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ thì việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ được thực hiện khi có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Thành L trình bày:

Việc chuyển dịch quyền sử dụng đất giữa ông K sang ông L và từ ông L sang ông V hoàn toàn đúng quy định của pháp luật, được cấp Giấy chứng nhận theo đúng pháp luật, đề nghị Tòa án bảo vệ quyền lợi hợp pháp của ông L và ông V theo đúng pháp luật.

Quyết định số 3303/QĐ-UBND ngày 07/07/2009 giải quyết tranh chấp đất đai đã được cấp Giấy chứng nhận là sai thẩm quyền. Hơn nữa, khi thu hồi Giấy chứng nhận, Quyết định không nêu căn cứ pháp luật, không xác định lỗi khi cấp Giấy chứng nhận, hậu quả của việc thu hồi Giấy chứng nhận. Đề nghị:

-Nếu UBND cấp Giấy chứng nhận không đúng pháp luật thì UBND phải bồi thường thiệt hại cho các bên tham gia giao dịch hợp pháp.

-Nếu UBND cấp Giấy chứng nhận đúng pháp luật thì phải bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người nhận chuyển nhượng tài sản ngay tình, hợp pháp là ông L và ông V.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1563/2019/HC-ST ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

Căn cứ các điều 3, 30, 32, 116, 143, 157, 165, 193, 194 và 206 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ “Quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai”.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 5888/QĐ-UBND ngày 06/8/2009 của Ủy ban nhân dân quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V về việc:

Yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3303/QĐ-UBND ngày 07/7/2009 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh “Về thu hồi, hủy bỏ Quyết định 3971/QĐ-UB-TD ngày 07 tháng 9 năm 1999 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và giải quyết tranh chấp đất giữa ông Bùi Văn B và gia đình ông Bùi Thanh Kỳ” và buộc Ủy ban nhân dân quận T1 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Bùi Văn B đối với phần diện tích 164.8m² đất ở đô thị và 45.2m² đất ao, đồng thời cấp lại Giấy chứng nhận nêu trên cho ông V. Trong trường hợp không thực hiện yêu cầu trên thì Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phải bồi thường cho ông V số tiền 3.341.200.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/11/2019 bà Võ Thị Mỹ D (đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn V) kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa. Người khởi kiện ông Nguyễn Văn V có mặt, đề nghị xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền. Ông V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V. Người bị kiện có văn bản xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Thành K cho rằng ông V là người thứ 3 ngay tình, nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, hủy quyết định hành chính bị kiện.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn B không đồng ý yêu cầu kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phản tranh luận:

Ông Nguyễn Văn V giữ nguyên lời trình bày như tại cấp sơ thẩm. Do Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá không đầy đủ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ nên quyết định gây ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện.

Ông Bùi Thành K trình bày: Ông V không liên quan đến tranh chấp đất giữa ông với ông B. Ông V là người thứ 3 ngay tình, cần phải được pháp luật bảo vệ. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông V, tuy nhiên không có cơ sở vì quyết định 3303/QĐ-UBND chưa đúng quy định pháp luật, nên không thể căn cứ vào quyết định 3303/QĐ-UBND để ban hành quyết định 5888/QĐ-UBND ngày 06/8/2009. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông V, hủy quyết định hành chính bị kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo qui định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Xét về nội dung vụ án: Người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 5888/QĐ-UBND ngày 06/8/2009 của Ủy ban nhân dân quận T1. Tuy nhiên quyết định 5888/QĐ-UBND ban hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật. Bản án sơ thẩm tuyên bác yêu cầu của ông Nguyễn Văn V là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Luật tố tụng hành chính, không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 07/9/1999 Chủ tịch UBND nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 3971/QĐ-UB-TD giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Bùi Thành K và ông Bùi Văn B đối với phần đất có diện tích 5.613 m² tại thửa 159, 160 tờ bản đồ số 4, xã H, huyện T1 (nay là phường H, quận T1), nội dung giữ nguyên hiện trạng sử dụng của các bên. Ngày 29/01/2003 ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất trên có diện tích 2.161 m². Ngày 10/11/2003 ông K chuyển nhượng diện tích 1.040 m² cho ông Bùi Thành L. Ngày 30/12/2004 ông L chuyển nhượng diện tích 210 m² cho ông Nguyễn Văn V. Tất cả các giao dịch chuyển nhượng đều thực hiện đúng quy định pháp luật, ông L, ông V đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích nhận chuyển nhượng.

Ngày 06/8/2009 UBND quận T1 căn cứ vào quyết định 3303/QĐ-UBND ngày 07/7/2009 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung thu hồi quyết định số 3971/QĐ-UBND ngày 07/9/1999 và: “*Giao chủ tịch UBND quận T1 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 778/QSĐĐ ngày 28/01/2005 đã cấp cho ông Nguyễn Văn V*”, để ban hành quyết định 5888/QĐ-UBND thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 755927 ngày 28/01/2005 đã cấp cho ông V đối với diện tích 210 m².

[2.2] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Bản án hành chính sơ thẩm số 1177/2016/HC-ST ngày 29/11/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, và bản án hành chính phúc thẩm số 307/2017/HC-PT ngày 19/10/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thành L, bà Bùi Thị Bích T4, giữ nguyên quyết định

3303/QĐ-UBND ngày 07/7/2009 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, UBND quận T1 căn cứ vào quyết định 3303/QĐ-UBND ban hành quyết định 5888/QĐ-UBND là đúng quy định pháp luật. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V.

[2.3] Xét thấy, ông V thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại khoản 3 Điều 46 Luật Đất đai năm 2003: “*Người nhận chuyển quyền sử dụng đất*”. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông V không phải là giấy chứng nhận cấp lần đầu mà là cấp qua giao dịch chuyển quyền sử dụng đất. Ông V đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất (cho đến trước thời điểm ban hành quyết định 3303/QĐ-UBND). Khoản 3 Điều 42 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 quy định: “*Trường hợp đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người đang sử dụng đất ổn định được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất thì việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ được thực hiện khi có bản án hoặc quyết định của tòa án nhân dân đã được thi hành trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này*”. Đối chiếu với quy định này thì quyết định 3303/QĐ-UBND có nội dung giao chủ tịch UBND quận T1 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông V là không chính xác. Tuy vậy, quyết định 3303/QĐ-UBND đã bị khởi kiện đề nghị hủy trong vụ án hành chính khác nhưng không được chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ bản án phúc thẩm số 307/2017/HC-PT ngày 19/10/2017 để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V là không sai theo tính logic. Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông V về việc sửa bản án sơ thẩm.

[2.4] Ngoài ra, Hội đồng xét xử nhận định thêm: Căn cứ vào các văn 6185/VPCP-V-II ngày 29/10/2007 của Văn phòng Chính phủ, 9114/UBND-PCNC ngày 27/12/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, 275/VPCP-V.II ngày 14/01/2008 của Văn phòng Chính phủ thể hiện sau khi có quyết định 3971/QĐ-UB-TD, ông B vẫn tiếp tục khiếu nại. Như vậy theo quy định tại khoản 16 Điều 2 Luật Khiếu nại tố cáo năm 1998 thì quyết định 3971/QĐ-UB-TD không phải là quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật. Do đó, Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định 3303/QĐ-UBND giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông K và ông B là không sai về trình tự thủ tục. Tuy nhiên, tại thời điểm ban hành quyết định 3303/QĐ-UBND thì phần đất tranh chấp đã được chuyển nhượng cho nhiều người, và những người nhận chuyển nhượng đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, khi giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông K và ông B, cần phải xem xét giải quyết đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp (nếu có) của các bên có liên quan.

Xét thấy, quyền và lợi ích hợp pháp của ông V bị ảnh hưởng là do quyết định 3303/QĐ-UBND ngày 07/7/2009 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy vậy, quyết định này đã bị khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên bố hủy, nhưng không được chấp nhận. Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc hủy quyết định 5888/QĐ-UBND ngày 06/8/2009 của UBND quận T1. Trường hợp nếu có kết quả giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm bản án hành chính phúc thẩm số 307/2017/HC-PT ngày 19/10/2017 và bản án hành chính sơ thẩm số 1177/2016/HC-ST ngày 29/11/2016 theo hướng hủy quyết định 3303/QĐ-UBND ngày 07/7/2009, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm kiến nghị Tòa án nhân dân tối cao xem xét theo trình tự giám đốc thẩm đối với bản án này theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V.

Ông V được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015,

I/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Mỹ D (người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn V). Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 1563/2019/HC-ST ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V về việc yêu cầu hủy quyết định số 5888/QĐ-UBND ngày 06/8/2009 của Ủy ban nhân dân quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V về việc yêu cầu hủy quyết định 3303/QĐ-UBND ngày 07/7/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc “Về thu hồi, hủy bỏ Quyết định 3971/QĐ-UB-TD ngày 07/9/1999 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết tranh chấp đất giữa ông Bùi Văn B và gia đình ông Bùi Thanh Kỷ”, buộc Ủy ban nhân dân quận T1 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Bùi Văn B đối với diện tích 164,8 m² đất ở đô thị và 45,2 m² đất ao, đồng thời cấp lại giấy chứng nhận nêu trên cho ông V. Trong trường hợp không thực hiện yêu cầu trên thì Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phải bồi thường cho ông V số tiền 3.341.200.000 đồng.

II/ Ông Nguyễn Văn V được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- NKK (1);
- NBK (2);
- NLQ (3);
- Lưu (10) 21b (Án VTPT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên